

Bản án số: 35/2025/DS-ST

Ngày: 28-02-2025

“V/v Hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Cương

2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 839/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. (có đơn xin vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2024 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Bà T có tham gia chơi hui do bà Nguyễn Thị H làm thảo hui, tổng số tiền hui mà bà T góp là 43.500.000 đồng. Khi bà H bị vỡ hui, bà H có lập giấy chốt số tiền hui với bà T là 43.500.000 đồng. Việc bà H làm thảo hui, ông Nguyễn Minh C (chồng bà Nguyễn Thị H) cũng biết nên bà T khởi kiện yêu cầu bà H, ông C liên đới trả cho bà T tổng số tiền hui mà bà T đã góp là 43.500.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Ngoài ra, bà T không còn yêu cầu nào khác

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Bà H xác nhận bà có làm thảo hui và bà Nguyễn Thị T là hui viên. Bà H thừa nhận còn nợ bà T tổng số tiền hui là 43.500.000 đồng đúng như bà T trình bày. Nay bà H đồng ý trả cho bà T số tiền là 43.500.000 đồng và xin thời gian trả vào ngày 28/02/2025.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng bị đơn ông Nguyễn Minh C vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản nào phản hồi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Minh C liên đới trả tiền nợ hui. Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Minh C có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng góp hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã thực hiện thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Các chứng cứ của vụ án đã được đương sự giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục. Vụ án này Tòa án không có thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp không có Kiểm sát viên tham gia, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Minh C vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai; bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt; căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Minh C liên đới trả số tiền hui đã góp là 43.500.000 đồng. Bà H xuất trình chứng cứ là **Giấy trả tiền hui ngày 22/6/2024** có ghi nội dung chót tiền hui. Bà Nguyễn Thị H xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền hui đúng như lời trình bày bà T và đồng ý trả số tiền 43.500.000 đồng nên được xem là tình tiết không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Minh C không có ý kiến trình bày trong vụ án, tuy nhiên số tiền hui tồn tại trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp của bà H và ông C, việc bà H làm thảo hui là để tạo thu nhập cho gia đình. Do đó, cần buộc ông C có nghĩa vụ liên

đổi cùng bà H thanh toán số tiền hội 43.500.000 đồng cho bà T là phù hợp với Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về lãi suất: Bà T không có yêu cầu trả lãi suất phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Từ những phân tích [2], [3], xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Minh C có nghĩa vụ liên đới trả một lần số tiền 43.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biểu, phường.

[5]. Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Minh C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 273, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, Điều 288, Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 15, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biểu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Minh C về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hội”.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Minh C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền hội là 43.500.000 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa

thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Minh C phải liên đới chịu 2.175.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có Đơn xin miễn tạm ứng án phí nên thuộc trường hợp miễn tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
- *Lưu hồ sơ, VT.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Khắc Linh Duy

La Văn Việt - Nguyễn Thanh Hoàng

Nguyễn Khắc Linh Duy